

Bản án số: 160/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20-6-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Xuân Lộc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Tâm

Bà Nguyễn Thị Bích

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2024/QĐXX-ST ngày 10/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Khánh T, sinh năm 1983(vắng mặt)

Nơi thường trú: thôn H, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động tại Đài Loan.

Anh T ủy quyền cho chị Hà Thu H, sinh năm 2001; Địa chỉ: Tổ A, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giao và nhận các tài liệu đối với Tòa án (Văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 5 năm 2024).

2. Bị đơn: Chị Trương Thị L, sinh năm 1992(vắng mặt)

Nơi thường trú: thôn H, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai (có xác nhận của Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc), nguyên đơn anh Nguyễn Khánh T trình bày: Anh và chị L đăng ký kết hôn ngày 09/3/2010 tại ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị L về nhà anh làm dâu và chung sống hòa thuận. Vì điều kiện kinh tế gia đình nên anh và chị L

cùng bàn bạc sang nước ngoài lao động để xây dựng kinh tế. Sau khi sang Đài Loan một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn, anh chị nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con cái nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh chị đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ năm 2023 đến nay anh và chị L không ai còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Trương Thị L.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 21/01/2011 và cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 04/01/2013. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng chị L tại địa phương. Sau khi ly hôn anh đề nghị giao các con cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trương Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Quá trình tìm hiểu đi đến hôn nhân, chung sống của vợ chồng sau hôn nhân, mâu thuẫn của vợ chồng dẫn đến ly thân khi đang lao động tại Đài Loan như anh T đã trình bày. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Khánh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 21/01/2011 và cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 04/01/2013. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng chị tại địa phương. Chị về nước sinh sống từ 02/5/2023 và hiện đang làm lao động tự do với mức thu nhập khoảng 8.000.000 đồng/ 01 tháng. Sau khi ly hôn chị đề nghị giao con chung cho chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Khánh Đ, cháu Nguyễn Khánh H trình bày: Từ khi mẹ các cháu về nước sinh sống cho đến nay, các cháu vẫn đang sinh sống cùng mẹ. Bố các cháu hiện đang lao động tại nước ngoài, chưa về nước sinh sống nên nếu bố mẹ ly hôn, các cháu muốn sinh sống cùng mẹ.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Khánh T, chị Trương Thị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Nguyễn Khánh T; biên bản làm việc đối với chị Trương Thị L, cháu Nguyễn Khánh Đ, cháu Nguyễn Khánh H và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Khánh T.

Xử cho anh Nguyễn Khánh T được ly hôn chị Trương Thị L.

Về con chung: Do anh T hiện nay đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Khánh Đ, cháu Nguyễn Khánh H cho chị Trương Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Anh T, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Khánh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện viên kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Anh T khởi kiện xin ly hôn chị L và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Anh T là nguyên đơn hiện đang lao động tại Đài Loan. Chị L là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Khánh T, chị Trương Thị L.

[4]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Khánh T và chị Trương Thị L kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 3 năm 2010 tại ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Trương Thị L.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T với chị L, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị L, anh T chung sống hạnh phúc sau đó cùng đi lao động tại Đài Loan. Sau khi sang Đài Loan một thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn vợ chồng đã chủ động nói chuyện hàn gắn tình cảm cũng như được gia đình hai bên khuyên bảo nhưng không được. Anh T, chị L đều xác định từ năm 2023 đến nay vợ chồng không còn liên lạc hỏi thăm nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng chị L, anh T không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T với chị L là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5]. Về con chung: Anh T, chị L có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 21/01/2011 và cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 04/01/2013. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng chị L tại địa phương. Sau khi ly hôn anh T đề nghị giao 02 con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, sau ly hôn của anh T, Hội đồng xét xử thấy: anh T hiện đang lao động tại nước ngoài nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không đảm bảo bằng chị L. Mặt khác, các con chung hiện đang sinh sống cùng chị L, các con chung đều phát triển ổn định cả về thể chất lẫn tinh thần và đều có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy chấp nhận yêu cầu giao con chung cho chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn của anh T là phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Khánh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh Nguyễn Khánh T về nước sinh sống, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh T, chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về tài sản, công nợ chung: Do anh T, chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Anh Nguyễn Khánh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo:

[8.1] Anh Nguyễn Khánh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng hiện đang ở nước ngoài nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật theo quy định tại Điều 271 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8.2] Chị Trương Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng hiện đang ở trong nước nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Khánh T được ly hôn Chị Trương Thị L.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 21/01/2011 và cháu Nguyễn Khánh H, sinh ngày 04/01/2013 cho chị Trương Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Khánh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Khánh T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001217 ngày 31/5/2024 của Cục

Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Nguyễn Khánh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Trương Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Xuân Lộc